

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2023/HS-ST
Ngày: 20- 6- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bình Minh và bà Cao Thị Hồng Minh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 132/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn S**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; S ngày: 12 tháng 7 năm 1959 tại Thái Bình; trú tại: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu; chức vụ, Đảng, chính quyền, đoàn thể: Trưởng thôn C, chi hội trưởng Hội nông dân thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam nH đã bị khai trừ từ ngày 23/10/2022; trình độ văn hóa: 10/10; con ông: Phạm Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; vợ: Nguyễn Thị L; con: Có 02 con, con lớn S năm 1984, con nhỏ S năm 1989; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không có gì đặc biệt; bị tạm giam từ ngày 29/9/2022 cho đến nay - Có mặt.

- Bị hại: Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố 09, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang H, chức vụ: Chủ tịch; người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Q, chức vụ: Phó chủ tịch (theo văn bản ủy quyền số 1314/UBND-VP ngày 19/6/2023) - Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị L; sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ - Có mặt;

+ Ông Đinh Trọng D; sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ - Có mặt;

+ Bà Phạm Thị L; sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ - Có mặt;

+ Ông Vũ Tuấn H; sinh năm 1950; địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ - Có mặt;

+ Bà Đỗ Thị T; sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ - Có mặt;

+ Ông Quảng Văn P; sinh năm 1965; địa chỉ: Bản M, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ - Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Phạm Văn S làm trưởng thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ từ năm 2020, theo quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/2/2020 và quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Đ; bị cáo nhận bàn giao công việc từ trưởng thôn cũ, trong đó có danh sách đất nông nghiệp chia theo khẩu, đất nông nghiệp nhận thầu của xã (đất 5%) và đất thôn cho thuê của các hộ trong thôn. Căn cứ vào danh sách này bị cáo thu tiền sản của từng hộ nộp lại cho UBND xã T; toàn bộ đất nông nghiệp các hộ dân thôn C canh tác thuộc địa giới hành chính tổ dân phố 01, phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Thực hiện dự án "Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch chi tiết cảng hàng Điện Biên giai đoạn năm 2020, định hướng đến năm 2030", trong đó có diện tích đất nông nghiệp các hộ dân thôn C canh tác. Ban quản lý dự án thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên hợp đồng với Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ địa chính và dịch vụ đất đai (sau đây viết tắt là Công ty) để thực hiện những công việc có liên quan đến việc giải phóng mặt bằng; bị cáo Phạm Văn S và ông Đinh Trọng D (*bí thư chi bộ thôn*) làm người dẫn đạc, phối hợp với tổ công tác để đo đạc, lập bản đồ quy chủ đất giải tỏa mà các hộ dân thôn C đang canh tác. Cuối tháng 10/2020, tổ công tác đã giao cho bị cáo bản đồ hiện trạng đất nông nghiệp bị thu hồi các hộ dân thôn C đang canh tác, để các hộ dân trong thôn rà soát lại xem đã đầy đủ, chính xác chưa. Từ việc nắm bắt được tình hình các hộ trong thôn, đi thực địa đất cùng tổ công tác và nghiên cứu bản đồ, bị cáo thấy diện tích đất thực tế lớn hơn diện tích đất các hộ nhận thầu, có thửa do người ngoài thôn nhận thầu nhưng bỏ hoang, có thửa thôn quản lý xã không nắm được; bị cáo xin ý kiến chủ tịch UBND xã

T là Quảng Văn P về việc này và được cho ý kiến quy chủ đất nhận thầu về cho các hộ trong thôn, để họ nhận tiền bồi thường sau đó nộp lại cho xã. Từ đó bị cáo nảy sinh ý định quy chủ một số thửa đất có diện tích chênh lệch lớn về cho nhà mình để được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; nộp cho xã một phần, giữ lại một phần để sử dụng. Bị cáo bàn bạc với ông Đinh Trọng D và bà Phạm Thị L (*trưởng ban mặt trận thôn*) ý kiến của ông P, về việc quy chủ đất cho gia đình bị cáo, ông D, bà L và được nhất trí. Sau đó bị cáo để bản đồ tổ công tác giao cho ở nhà văn hóa thôn hơn 10 ngày, để các hộ xem và có ý kiến.

Khi tổ công tác hỏi bị cáo ý kiến của các hộ trong thôn về bản đồ, thì bị cáo có ý kiến 05 thửa đất gồm: Thửa có diện tích 374,5m² tên Vũ Tuấn H; thửa có diện tích 299,4m² tên Đỗ Thị T; thửa có diện tích 200,6m² trống tên; hai thửa có tổng diện tích 484,4m² tên thôn C thì sửa tên thành người sử dụng là Nguyễn Thị L (*vợ bị cáo*); một thửa khác tên Vũ Tuấn H sửa thành Đinh Trọng D. Bị cáo dùng bút bi sửa vào bản đồ tổ công tác đưa cho và nói với tổ công tác lý do sửa là: Các thửa đất đó là người ngoài thôn nhận thầu, nH thực tế sử dụng là các hộ như bị cáo đã sửa. Do tin tưởng, tổ công tác đã lặp lại tên người sử dụng đất trên bản đồ theo thông tin của bị cáo đề nghị điều chỉnh.

Căn cứ vào kết quả đo đạc, cán bộ kỹ thuật Công ty đã hoàn thiện hồ sơ theo quy định, trong đó có 07 thửa đất số 56, 71, 138, 147, 151, 153 và 191 tờ bản đồ số 3 tên Phạm Thị L (thửa 56 và 71 có diện tích 1.204 m² là đất gia đình bị cáo đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE745286 và khai phá thêm) rồi chuyển lại cho Ban quản lý dự án thành phố Điện Biên Phủ. Tại cuộc họp thôn, bị cáo thông báo nội dung: Thôn quy chủ đất về cho các hộ nhận thầu để các hộ nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; sau đó nộp lại cho lãnh đạo thôn để nộp lên xã; phần bồi thường hỗ trợ đối với đất các hộ khai phá thêm không thu; đơn giá theo chính sách 330.000 đồng/m² (gồm hỗ trợ về đất 84.000 đồng/m² và hỗ trợ về chuyển đổi nghề 3 x 82.000 đồng/m²).

UBND thành phố Điện Biên Phủ đã ban hành quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các gia đình có đất thu hồi. Ngày 24/5/2023 gia đình bị cáo đã nhận 610.985.360 đồng tiền bồi thường đất, cây cối hoa màu, hỗ trợ đối với 07 thửa đất và tiền khuyến khích di chuyển; trong đó có 409.433.600 đồng là tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hai thửa đất của gia đình bị cáo đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khai phá thêm và khuyến khích di chuyển; còn 201.551.760 đồng là tiền bồi thường, hỗ trợ 05 thửa đất bị cáo tự quy chủ tên Nguyễn Thị L (*vợ bị cáo*). Bị cáo đưa cho vợ gửi tiết kiệm 200.000.000 đồng, ngày 29/7/2021 rút ra và được 1.038.056 đồng tiền lãi.

Ngày 23/6/2021 bị cáo nộp cho UBND xã T 594.000.000 đồng (của bà hộ dân trong thôn nộp cho bị cáo).

Ngày 29/7/2021 bị cáo nộp cho UBND xã T số tiền 385.581.000 đồng (gồm 143.220.000 đồng bà L nộp, 81.510.000 đồng ông Truyền nộp và 160.851.000 đồng trong số 201.551.760 đồng bị cáo đã nhận đối với diện tích đất cáo đã tự ghi tên

quy chủ cho vợ bị cáo), còn 40.700.760 đồng bị cáo giữ lại để sử dụng riêng và không nói cho ai biết.

Tổng số tiền bị cáo nộp cho UBND xã T là 979.581.000 đồng. Ngày 23/8/2021 UBND xã T báo cáo UBND huyện Điện Biên về số tiền này và đề nghị được sử dụng số tiền bị cáo đã nộp, nH không có Cơ quan nào trả lời. Ngày 06/9/2021 UBND xã T báo cáo Trung tâm quản lý đất đai thành phố và ban quản lý dự án thành phố về việc thu hồi tiền đền bù giải phóng mặt bằng, nH không Cơ quan nào trả lời; cùng ngày UBND xã T nộp lại toàn bộ 979.581.000 đồng cho Ban quản lý dự án thành phố Điện Biên Phủ. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận những hành vi vi phạm của mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Ngày 02/7/2022 bị cáo tự nguyện nộp cho cơ quan điều tra số tiền 39.430.000 đồng. Trước khi mở phiên tòa, theo yêu cầu của bị cáo, vợ bị cáo nộp cho Tòa án số tiền đã chiếm đoạt còn lại và tiền lãi theo cáo trạng của Viện kiểm sát.

Ngày 15/10/2021 ông D nhận tiền bồi thường, trích nộp 134.776. 000 đồng nộp cho UBND xã T nH không được nhận, nên ông D nộp lại cho ban quản lý dự án thành phố Điện Biên.

Ngoài bị cáo ra không ai biết bị cáo giữ lại số tiền đã chiếm đoạt; ông D không có yêu cầu gì đối với số tiền 1.000.000 đồng đã đưa cho bị cáo; những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra, ông P pH đi điều trị bệnh u não và thính giác, thị giác. Ngày 20/02/2023 Cơ quan điều tra đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-ĐTTH ngày 20/02/2023 tách hành vi của ông Lò Văn P và của những cá nhân, tổ chức khác cùng tài liệu có L quan để xử lý tiếp tục xác minh điều tra làm rõ sau.

Cơ quan điều tra đã gửi số tiền 39.430.000 đồng bị cáo đã nộp đi giám định. Kết luận giám định số 1300/KL-KTHS ngày 11/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Số tiền gửi giám định đều là tiền thật; hoàn lại toàn bộ số tiền gửi giám định sau khi niêm phong; hiện số tiền này được gửi tại Kho bạc nhà nước tỉnh Điện Biên. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về kết luận giám định nêu trên.

3. Cáo trạng số 84/CT-VKSTPĐBP ngày 23/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố bị cáo về tội "Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 355 BLHS. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo phạm tội "Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản"; áp dụng Điều 38, khoản 1 Điều 355, điểm b, s và v khoản 1 Điều 51 và Điều 54 BLHS xử phạt tù bị cáo bằng thời gian tạm giam; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị

cáo. Bị cáo pH trả cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt là 40.700.760 đồng (quá trình điều tra bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả 39.430.000 đồng; trước khi mở phiên tòa bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền còn lại là 1.270.760 đồng); tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 211.248 đồng là tiền lãi tương ứng với số tiền chiếm đoạt, do bị cáo gửi tiết kiệm mà có (trước khi mở phiên tòa bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền này). Bị cáo là người cao tuổi, nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Số tiền lãi còn lại 1.038.056 đồng - 211.248 đồng = 826.808 đồng là số tiền lãi do bị cáo gửi tiết kiệm khoản tiền bị cáo đã giữ trái phép của bị hại cần trả lại cho bị hại. Đối với số tiền 1.000.000 đồng bị cáo lấy từ ông D, tại phiên tòa ông D không có yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

4. Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để xác định: Khoảng tháng 10/2021, bị cáo Phạm Văn S đã có hành vi lạm dụng chức trưởng thôn C, xã T, huyện Điện Biên trong quá trình cùng tổ công tác xây dựng hồ sơ quy chủ đất thực hiện dự án "Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch chi tiết cảng hàng Điện Biên giai đoạn năm 2020, định hướng đến năm 2030"; bị cáo đã cung cấp thông tin sai sự thật để quy chủ tên vợ bị cáo là Nguyễn Thị L đối với 05 thửa đất không pH gia đình bị cáo canh tác, để chiếm đoạt số tiền 40.700.760 đồng, là một phần số tiền Nhà nước bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện dự án; việc chiếm đoạt số tiền này chỉ mình bị cáo biết.

Khoản 1 Điều 355 BLHS quy định: "Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nH thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm..."

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" theo điều luật đã viện dẫn trên.

[2] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt chính:

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến các hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và gây thiệt hại về kinh tế. Nguyên nhân dẫn đến việc này là do bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật và ham

lợi; cần pH áp dụng hình phạt tù có thời hạn, để giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên bị cáo đã khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; quá trình công tác được chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên và các ban, ngành tỉnh tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 BLHS cần được áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên áp dụng hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định đối với bị cáo, thể hiện chính sách pháp luật khoan hồng, giáo dục cải tạo hơn là trừng trị của Nhà nước ta đối với người phạm tội.

Mức hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 355 BLHS thì: "Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Với hành vi phạm tội của bị cáo, cần pH cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trưởng thôn trong thời hạn nhất định. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo thì ngoài lương hưu ra, bị cáo không có thu nhập gì khác, không có tài sản gì đáng kể ngoài căn nhà đang ở, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung khác, ngoài việc cấm đảm nhiệm chức vụ trưởng thôn đối với bị cáo như đã nói trên.

[4] Bồi thường thiệt hại và vật chứng: Bị cáo pH trả lại cho UBND thành phố Điện Biên Phủ số tiền 40.700.760 đồng tiền đã chiếm đoạt; riêng số tiền 211.248 đồng lãi phát sinh từ việc gửi tiết kiệm số tiền này mà có, tịch thu sung ngân sách Nhà nước; hai khoản tiền này bị cáo đã tự nguyện nộp cho cơ quan điều tra và Tòa án.

[5] Các vấn đề khác:

Bà Nguyễn Thị L không biết việc làm của bị cáo; các hộ gia đình nhận tiền bồi thường, hỗ trợ không đúng và nộp cho bị cáo để nộp lên UBND xã T, không có mục đích chiếm đoạt nên không đề cập xử lý. Ông D không có yêu cầu đòi với số tiền 1.000.000 đồng đã đưa cho bị cáo, nên không đề cập giải quyết. Riêng về số tiền lãi phát S từ việc bị cáo gửi tiết kiệm 200.000.000 đồng tiền nhận bồi thường, hỗ trợ 5 thửa đất không pH của bị cáo, Hội đồng xét xử chỉ xử lý đối với phần tiền lãi tương ứng với số tiền bị cáo chiếm đoạt, số tiền lãi còn lại không phát S từ số tiền này, nên không đề cập xem xét, hơn nữa những nội dung có L quan còn đang được tiếp tục điều tra làm rõ.

Những sai phạm của ông Quảng Văn P (đang điều trị bệnh) và của các cá nhân có L quan thuộc các phòng ban của UBND thành phố Điện Biên Phủ; UBND phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ; UBND xã T, huyện Điện Biên cùng các tài liệu chứng cứ có L quan, Cơ quan điều tra đã ban hành quyết định tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ sau, nên không đề cập xem xét, xử lý trong vụ án này. Kiến nghị Cơ

quan điều tra tiếp tục làm rõ sai phạm của các cá nhân, tổ chức nói trên để xử lý theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi, nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 38; Điều 41; khoản 1, 5 Điều 355; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 54; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 5 Điều 328; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn S phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 08 (tám) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 29/9/2022. Thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam; trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ trưởng thôn đối với bị cáo trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù (20/6/2023);

3. Vật chứng, trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác:

Trả lại cho UBND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên số tiền 40.700.760 (bốn mươi triệu bảy trăm nghìn bảy trăm sáu mươi) đồng bị cáo đã chiếm đoạt [bị cáo đã nộp cho Cơ quan điều tra 39.430.000 (ba mươi chín triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng, Cơ quan điều tra đã gửi Kho bạc nhà nước tỉnh Điện Biên; nộp cho Tòa án 1.270.760 (một triệu hai trăm bảy mươi nghìn bảy trăm sáu mươi) đồng].

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 211.248 (hai trăm mười một nghìn hai trăm bốn mươi tám) đồng tiền lãi do gửi tiết kiệm số tiền đã chiếm đoạt mà có (đã tạm nộp cho Tòa án trước khi mở phiên tòa).

4. Án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2023); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2023); trường hợp những người này vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND TP Điện Biên Phủ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQ CSĐT Công an TP Điện Biên Phủ;
- Đội HSNV Công an TP Điện Biên Phủ;
- CQ THAHS Công an TP Điện Biên Phủ;
- Nhà tạm giữ CATP;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục THADS TP Điện Biên Phủ;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ;
- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung